

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giao dịch trong vùng 1,240 – 1,255 trước khi đóng cửa tại mốc 1,250.32, giảm gần 3 điểm so với hôm qua. 12/18 ngành tăng điểm, trong khi số mã giảm nhiều hơn số mã tăng, cho thấy dòng tiền có xu hướng phân hóa. Ngành Truyền thông dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Tài nguyên cơ bản, Công nghệ Thông tin,... Ở chiều ngược lại, ngành Bán lẻ có phiên giao dịch không tích cực, theo sau là ngành Ô tô và phụ tùng, Dầu khí,.... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Xu hướng giao dịch trong vùng tâm lý 1,240 - 1,270 chưa có dấu hiệu kết thúc.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 11/11/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-2.24** điểm, đóng cửa tại **1250.32** điểm. HNX-Index **-0.02** điểm, đóng cửa tại **226.86** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+1.12)**, **FPT (+0.91)**, **VHM (+0.64)**, **HAV (+0.59)**, **GVR (+0.49)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-1.22)**, **STB (-0.74)**, **MWG (-0.69)**, **TCB (-0.67)**, **VPB (-0.57)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,579** tỷ đồng, tăng **40.08%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,577 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 12.58 điểm. Thị trường có **162** mã tăng, 69 mã tham chiếu, **210** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-945.83** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **MSN (-251.27 tỷ)**, **CMG (-208.43 tỷ)**, **STB (-107.90 tỷ)**, **TCB (-76.76 tỷ)**, **HDB (-68.18 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-4.34** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.40%**. Các mã diễn biến tích cực: **VHC (+2.90%)**, **CTR (+2.42%)**, **PVS (+0.52%)**.
- BSC50 **-0.14%**. Các mã diễn biến tích cực: **VTP (+6.46%)**, **PTB (+3.52%)**, **SZC (+2.77%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.40%	-0.14%	-0.57%	-0.70%
1 tuần	0.52%	1.80%	0.39%	0.08%
1 tháng	0.23%	0.10%	0.17%	0.01%
3 tháng	-0.05%	-1.69%	0.04%	2.62%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,250.32	226.86	92.40
% 1D	-0.18%	-0.01%	0.27%
GTGD (tỷ VND)	17,579	913	798
%1D	40.08%	15.82%	31.56%
GDNN (tỷ VND)	-945.83	-4.34	1.26

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	159.75	MSN	-251.27
DGC	68.16	CMG	-208.43
CSV	26.99	STB	-107.90
GMD	26.03	TCB	-76.76
FUESSVFL	11.18	HDB	-68.18

Thị trường thế giới

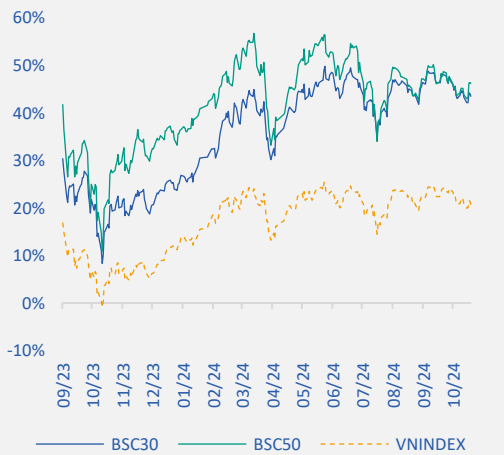
		%D	%W
SPX	5,996	0.38%	4.66%
FTSE100	8,129	0.70%	-0.68%
Eurostoxx	4,852	1.00%	-0.26%
Shanghai	3,470	0.51%	4.83%
Nikkei	39,540	0.18%	3.90%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	73.29	-2.67%
Giá vàng	2,676	
Tỷ giá		
USD/VND	25,440	-0.12%
EUR/VND	27,839	-0.65%
JPY/VND	168	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	-0.04%
LS LNH 1M	4.3%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



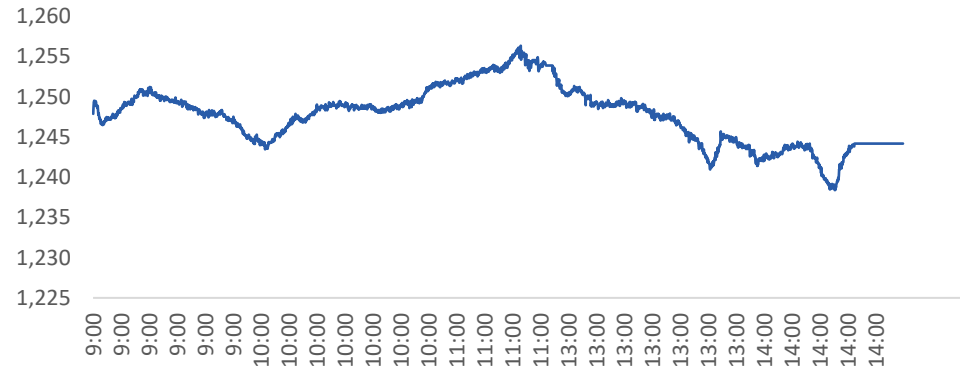
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2411	1320.10	-0.29%	233,348	5.72%	11/21/2024	10
VN30F2412	1321.00	-0.41%	881	96.21%	12/19/2024	38
VN30F2503	1321.30	-0.40%	48	-27.27%	3/20/2025	129
VN30F2506	1320.10	-0.42%	57	5.56%	6/19/2025	220

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -6.88 điểm, đóng cửa tại 1310.46 điểm. Biên độ dao động 19.93 điểm. Các cổ phiếu như STB, MWG, TCB, HDB, VPB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực giảm giá của nhóm cổ phiếu blue-chips trong phiên giao dịch hôm nay là một trong những nguyên nhân khiến VN30 chìm trong sắc đỏ. Khuyến nghị nhà đầu tư chờ đợi tín hiệu rõ ràng hơn trước khi mở vị thế, ưu tiên chiến lược short nếu VN30 phá vỡ các ngưỡng hỗ trợ quan trọng. Với các nhà đầu tư muốn long, nên thận trọng và chỉ vào lệnh khi có dấu hiệu hồi phục mạnh từ vùng hỗ trợ.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2503, Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CFPT2401	12/6/2024	25	2,268,400	-80.43%	12.48	1,690	19.9%	14.58	27.07	138.30	138.30
CHPG2342	11/21/2024	10	568,300	-71.45%	2.18	630	12.5%	2.81	7.91	27.70	27.70
CHPG2334	1/9/2025	59	438,500	-80.34%	2.68	380	5.6%	3.44	5.44	27.70	27.70
CMSN2401	3/6/2025	115	491,700	-78.18%	8.20	980	5.4%	8.18	16.04	73.50	73.50
CFPT2314	1/9/2025	59	628,700	-55.30%	8.64	6,160	4.9%	15.02	61.83	138.30	138.30
CSTB2402	5/21/2025	191	2,891,100	-70.00%	3.00	2,380	4.8%	10.29	10.14	33.80	33.80
CFPT2317	11/21/2024	10	200,200	-57.36%	8.72	3,880	3.5%	10.01	58.98	138.30	138.30
CHPG2402	5/21/2025	191	640,100	-74.77%	2.82	1,530	2.7%	9.15	6.99	27.70	27.70
CVIB2305	1/9/2025	59	244,300	-79.61%	1.78	400	2.6%	3.40	3.71	18.20	18.20
CVHM2402	3/6/2025	115	157,400	-73.03%	4.15	1,700	0.6%	9.13	10.95	40.60	40.60
CVNM2401	5/21/2025	191	299,000	-75.62%	6.38	1,230	-0.8%	7.62	15.90	65.20	65.20
CSTB2337	11/21/2024	10	470,500	-68.20%	2.70	1,150	-0.9%	4.44	10.75	33.80	33.80
CVPB2401	5/21/2025	191	412,600	-79.23%	1.99	1,050	-1.9%	9.09	3.99	19.20	19.20
CMBB2315	1/9/2025	59	393,700	-67.79%	1.96	1,500	-2.0%	5.71	7.83	24.30	24.30
CMWG2401	5/21/2025	191	723,600	-77.26%	6.55	1,960	-3.4%	14.27	14.33	63.00	63.00
CMBB2402	5/21/2025	191	987,900	-77.45%	2.35	1,600	-7.0%	11.25	5.48	24.30	24.30
CMWG2314	1/9/2025	59	3,676,300	-71.34%	5.16	1,300	-9.1%	5.83	18.06	63.00	63.00
CMBB2404	3/6/2025	115	632,900	-79.47%	2.35	1,320	-9.6%	10.99	4.99	24.30	24.30
CSTB2404	3/6/2025	115	1,593,900	-75.44%	3.10	1,300	-13.9%	7.69	8.30	33.80	33.80
CSTB2403	12/6/2024	25	90,500	-79.05%	3.00	1,020	-25.0%	7.70	7.08	33.80	33.80

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 11/11/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CMSN2317 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 21.43%. CSTB2402 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 14.61%.
- CFPT2314, CFPT2317, CMBB2315, CSTB2337, và CSTB2402 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2405, CSTB2333, CFPT2314, CVNM2403, và CVNM2315 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	138.30	1.84%	2.55
HPG	27.70	2.59%	2.50
VHM	40.60	1.50%	0.92
MSN	73.50	1.66%	0.78
GVR	33.40	1.52%	0.08

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
STB	33.80	-4.79%	-3.03
MWG	63.00	-3.08%	-2.25
TCB	23.20	-1.69%	-1.78
HDB	25.55	-2.67%	-1.47
VPB	19.20	-1.54%	-1.28

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HPG	27.70	2.59%	1.12	6.40
FPT	138.30	1.84%	0.91	1.47
VHM	40.60	1.50%	0.64	4.35
HVN	25.85	4.23%	0.59	2.21
GVR	33.40	1.52%	0.49	4.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	12.70	7.63%	0.47	0.68
NTP	59.90	3.63%	0.20	0.13
IDC	57.50	0.88%	0.12	0.33
VCS	66.10	1.23%	0.09	0.16
LAS	21.90	3.79%	0.07	0.11

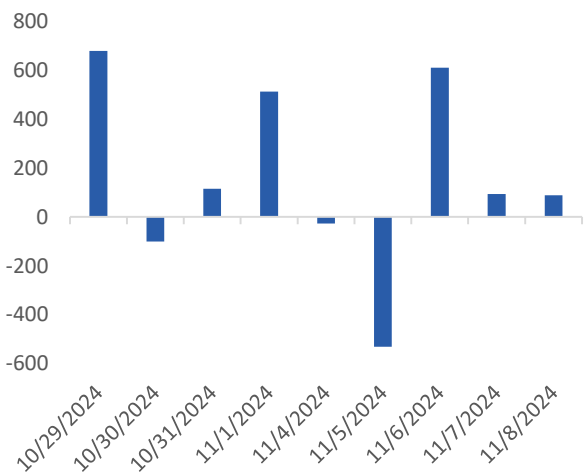
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	46.50	-1.90%	-1.22	5.70
STB	33.80	-4.79%	-0.74	1.89
MWG	63.00	-3.08%	-0.69	1.46
TCB	23.20	-1.69%	-0.67	7.05
VPB	19.20	-1.54%	-0.57	7.93

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	28.70	-1.71%	-0.19	0.55
PVS	38.00	-0.78%	-0.10	0.48
NVB	8.60	-2.27%	-0.08	0.56
CEO	14.80	-1.33%	-0.08	0.54
SHS	14.00	-0.71%	-0.06	0.81

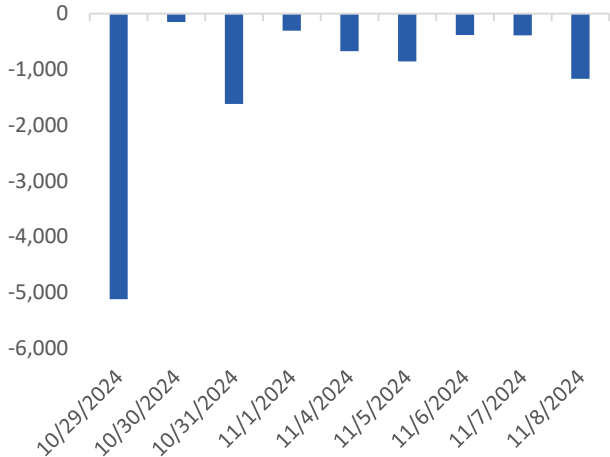
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	92.0	-0.20%	0.7	20,284	6.8	6,194	14.9	-	23.3%	Link
BID	Ngân hàng	46.5	-1.90%	1.4	10,456	4.8	4,106	11.3	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	19.2	-1.50%	1.0	6,009	21.3	1,663	11.5	-	26.1%	Link
TCB	Ngân hàng	23.2	-1.70%	1.3	6,448	14.1	3,207	7.2	-	20.9%	Link
MBB	Ngân hàng	24.3	-1.00%	1.1	5,086	16.4	4,021	6.0	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	33.8	-4.80%	1.3	2,514	43.9	4,640	7.3	-	22.9%	Link
CTG	Ngân hàng	35.0	-0.10%	1.5	7,404	22.5	4,035	8.7	-	26.3%	Link
ACB	Ngân hàng	24.8	-0.20%	0.8	4,379	6.6	3,638	6.8	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	25.7	-1.50%	1.4	1,989	12.9	1,490	17.2		41.3%	Link
IDC	Xây dựng	57.5	0.90%	1.1	748	2.9	6,634	8.7	65,700	24.5%	Link
HPG	Xây dựng	27.7	2.60%	1.0	6,989	44.7	1,905	14.5	41,500	23.7%	Link
HSG	VLXD	20.3	0.50%	1.5	497	4.7	828	24.5	25,300	17.3%	Link
VHM	BĐS	40.6	1.50%	0.7	6,974	24.5	4,700	8.6	108,300	14.2%	Link
KDH	BĐS	33.5	-0.10%	1.2	1,336	1.5	522	64.2	44,500	38.1%	Link
NLG	BĐS	39.6	-0.10%	1.2	600	2.0	793	49.8	-	48.8%	Link
DGC	Hóa chất	115.2	2.90%	1.4	1,726	16.3	7,791	14.8	115,000	18.1%	Link
DCM	Phân bón	37.4	1.80%	1.0	780	4.9	2,917	12.8	38,700	7.4%	Link
GAS	Dầu khí	70.1	0.10%	0.5	6,478	1.5	4,728	14.8	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	38.0	-0.80%	1.0	716	2.5	1,919	19.8	57,000	22.1%	Link
PVD	Dầu khí	25.4	-0.60%	1.3	556	2.4	1,211	20.9	38,400	15.6%	Link
POW	Dầu khí	11.7	0.00%	0.6	1,081	1.7	597	19.6	17,100	4.1%	Link
VHC	Thủy sản	75.0	0.50%	1.3	664	3.9	3,814	19.7	108,500	29.8%	Link
GMD	Logistics	65.8	1.90%	0.8	1,075	5.3	4,315	15.3	90,400	48.6%	Link
VNM	Bán lẻ	65.2	-0.80%	0.4	5,375	7.0	4,591	14.2	93,100	51.5%	Link
MSN	Bán lẻ	73.5	1.70%	1.0	4,387	23.9	898	81.9	110,000	28.6%	Link
MWG	Bán lẻ	63.0	-3.10%	1.1	3,633	23.3	2,028	31.1	-	46.9%	Link
PNJ	Bán lẻ	92.9	-0.10%	1.0	1,238	2.7	5,960	15.6	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	43.1	-0.70%	1.8	369	1.8	1,809	23.8	66,600	25.1%	Link
FPT	Bán lẻ	138.3	1.80%	1.1	8,026	28.9	5,129	27.0	107,900	45.2%	Link
CTR	Hạ tầng	129.4	-1.40%	1.5	584	7.1	4,640	27.9	-	9.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	25.6	-2.70%	1.0	2,936	8.3	4,461	5.7	1.5	19.5%	27.8%
VIB	Ngân hàng	18.2	-0.50%	1.2	2,139	11.0	2,412	7.5	1.4	20.5%	21.4%
TPB	Ngân hàng	16.2	-2.70%	1.3	1,688	19.6	1,840	8.8	1.2	28.4%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.6	-2.90%	1.1	1,195	7.3	1,687	6.9	0.9	29.5%	14.9%
EIB	Ngân hàng	18.7	-1.60%	0.8	1,374	2.4	1,447	12.9	1.4	2.8%	9.9%
HCM	Chứng khoán	28.6	-1.70%	1.7	812	12.0	1,409	20.3	2.0	45.3%	10.6%
VCI	Chứng khoán	34.6	0.40%	1.5	785	9.3	1,419	24.4	2.3	20.1%	9.6%
VND	Chứng khoán	14.5	-2.00%	1.4	871	4.8	1,503	9.6	1.1	13.5%	15.0%
BSI	Chứng khoán	48.0	-0.50%	1.8	422	0.7	1,732	27.7	2.2	40.0%	9.3%
SHS	Chứng khoán	14.0	-0.70%	1.6	449	3.5	1,178	11.9	1.0	8.9%	10.5%
CTD	Xây dựng	69.3	-0.60%	1.4	273	2.7	3,361	20.6	0.8	47.1%	3.6%
HHV	Xây dựng	11.4	0.40%	1.5	194	1.5	835	13.6	0.6	7.7%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.5	0.50%	1.5	80	0.5	825	12.7	0.8	2.1%	5.7%
SZC	Xây dựng	42.6	0.10%	1.0	303	5.6	1,572	27.1	2.5	3.2%	12.1%
SIP	Xây dựng	82.4	1.50%	1.3	684	2.1	5,635	14.6	4.1	2.0%	29.0%
PHR	BĐS KCN	56.5	1.10%	0.9	302	0.7	2,858	19.8	2.0	18.5%	12.1%
DIG	BĐS	20.4	-2.20%	1.6	491	6.8	135	151.4	1.6	4.7%	1.1%
CEO	BĐS	14.8	-1.30%	1.9	316	2.1	316	46.8	1.3	4.8%	2.1%
KBC	BĐS KCN	28.8	0.20%	1.5	874	9.2	549	52.5	1.2	20.5%	1.7%
VGC	BĐS KCN	43.4	1.80%	1.3	767	3.3	1,312	33.0	2.3	4.7%	8.2%
GVR	BĐS KCN	33.4	1.50%	1.6	5,270	3.4	851	39.2	2.6	0.5%	6.5%
NKG	BĐS KCN	21.6	0.70%	1.5	224	5.7	1,736	12.4	1.0	13.1%	7.4%
BMP	Vật liệu	133.0	0.80%	1.1	430	1.0	12,420	10.7	3.7	82.6%	34.6%
IJC	Hạ tầng	13.3	0.80%	1.3	198	0.4	729	18.2	1.0	4.6%	6.0%
DXG	BĐS	16.2	-0.90%	1.5	461	13.5	197	82.2	1.1	15.4%	1.9%
VRE	Bất động sản	18.0	0.30%	1.3	1,614	4.2	1,795	10.0	1.0	22.2%	11.9%
PDR	Bất động sản	20.8	-2.30%	1.7	718	6.4	500	41.7	1.7	6.4%	5.0%
DIG	Bất động sản	20.4	-2.20%	1.6	491	6.8	135	151.4	1.6	4.7%	1.1%
HUT	Xây dựng	16.2	0.00%	0.9	570	1.2	75	215.5	1.7	1.5%	1.7%
C4G	Xây dựng	8.0	-2.40%	1.0	-	0.3	573	14.0	0.7	0.0%	4.8%
CSV	Hóa chất	38.6	5.70%	1.7	168	7.4	2,122	18.2	2.9	3.8%	15.2%
DHC	Hóa chất	35.4	-0.70%	1.0	112	0.1	3,330	10.6	1.5	39.2%	13.3%
DRC	Cao su	28.2	0.40%	0.8	132	0.8	2,259	12.5	1.8	11.7%	16.5%
PC1	Điện	23.2	0.40%	1.0	328	1.6	1,511	15.4	1.3	13.8%	6.1%
HDG	BĐS	28.4	1.20%	1.3	378	4.8	2,116	13.4	1.5	15.7%	11.8%
GEX	Điện	19.7	-0.80%	1.4	668	6.7	1,207	16.3	1.3	8.3%	7.0%
QTP	Điện	13.7	0.00%	0.6	-	0.2	1,500	9.1	1.2	1.2%	11.2%
PLX	O&G	39.2	-2.00%	0.7	1,967	1.9	2,350	16.7	2.0	18.2%	13.8%
BSR	O&G	20.9	-1.40%	1.0	-	2.7	966	21.6	1.2	0.7%	13.4%
PLC	O&G	20.5	1.50%	1.4	65	0.0	611	33.6	1.3	0.5%	4.7%
ANV	Thủy sản	18.4	1.40%	1.2	194	2.6	315	58.5	0.9	1.0%	1.2%
PTB	Gỗ	65.6	1.40%	1.1	173	0.7	4,944	13.3	1.6	24.9%	11.9%
VSC	Logistics	17.5	3.20%	1.3	198	7.1	737	23.7	1.2	3.1%	7.3%
HAH	Logistics	46.8	2.30%	1.0	224	7.8	3,571	13.1	1.9	7.7%	10.6%
DBC	Logistics	27.7	0.50%	1.6	366	5.5	1,604	17.3	1.4	12.1%	5.0%
FRT	Bán lẻ	169.0	-0.60%	0.8	908	1.4	775	218.2	12.8	36.1%	11.8%
QNS	Bán lẻ	49.5	1.00%	0.5	-	0.9	6,553	7.6	1.9	13.8%	28.7%
TNG	Dệt may	25.9	2.00%	1.1	125	3.9	2,427	10.7	1.7	19.5%	14.7%
PVT	O&G	28.6	0.70%	1.0	402	4.5	3,130	9.1	1.4	13.2%	14.2%
DPM	Phân bón	33.8	0.70%	1.1	521	2.0	1,700	19.8	1.2	8.8%	5.5%
REE	Tiện ích	65.0	0.60%	1.0	1,208	1.4	3,860	16.8	1.7	49.0%	10.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024			Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
10	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
12	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
13	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84) 2439264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660